

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ NGHIÊN CỨU NƯỚC, MÔI TRƯỜNG, KHÍ QUYỂN VÀ TRÁI ĐẤT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ NGHIÊN CỨU NƯỚC, MÔI TRƯỜNG, KHÍ QUYỂN VÀ TRÁI ĐẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WATER, ENVIRONMENTAL, ATMOSPHERE AND EARTH CONSULTANCY AND RESEARCH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WEAEC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108864012

**3. Ngày thành lập:** 13/08/2019

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 66, ngõ 1, xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988928471

Fax:

Email: [tuvanvanghienchuu@gmail.com](mailto:tuvanvanghienchuu@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan trắc khí tượng thủy văn;</li> <li>- Dịch vụ khí tượng thủy văn:</li> </ul> <p>Cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo yêu cầu không thuộc các trường hoạt động phục vụ khí tượng thủy văn;</p> <p>Xây dựng, cung cấp các sản phẩm thông tin, truyền thông về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu;</p> <p>Hướng dẫn sử dụng thông tin, dữ liệu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;</p> <p>Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ không sử dụng kinh phí nhà nước về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;</p> <p>Xây dựng, lắp đặt, hướng dẫn khai thác công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;</p> <p>Xây dựng, cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật về dự báo, cảnh báo, truyền tin khí tượng thủy văn;</p> <p>Kiểm định, hiệu chuẩn, lắp đặt, sửa chữa phương tiện đo khí tượng thủy văn;</p> <p>Hoạt động tư vấn về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;</p> <p>Đào tạo nguồn nhân lực khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;</p> <p>Các hoạt động khác liên quan đến khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>(Điều 38 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn về công nghệ khác;</li> <li>- Dịch vụ môi trường:</li> </ul> <p>Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường;</p> <p>Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường;</p> <p>Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường;</p> <p>Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ;</p> <p>Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường;</p> <p>Tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>(Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014)</p> | 7490(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động đo đạc bản đồ;<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:<br>Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;<br>Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh... | 7110 |
| 3.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7120 |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường                                                                                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 5.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Thiết bị đo lường và điều khiển;<br>- Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7730 |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6311 |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651 |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4741 |
| 9.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5820 |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201 |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7211 |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7212 |
| 16. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7221 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7222 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 19. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.                                                                                                                                                                                                                                                              | 8559 |
| 20. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục;<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;<br>- Dịch vụ tư vấn du học.<br>(Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh các ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN VŨ DŨNG       | Số nhà 66, ngõ 1, xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 45.000     | 450.000.000           | 10,000    | 001053003699                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                   | 45.000     | 450.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ LAN CHI | Số nhà 66, ngõ 1, xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 360.000    | 3.600.000.000         | 80,000    | 017154000019                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                   | 360.000    | 3.600.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                               |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | ĐOÀN THANH THỦY | Ngõ 2, Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 10,000 | 001182004864 |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 10,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/03/1954

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017154000019

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 66, ngõ 1, xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 66, ngõ 1, xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội